TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 284/2019/DS-ST
Ngày: 16-7-2018
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Lan Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lương

2. Ông Nguyễn Văn Bình

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Sâm – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình – Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Nguyễn Lê Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2019 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2019/TLST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2019 về: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2019/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 83/2019/QĐST – HNGĐ ngày 20/6/2019 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2019/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn : Ngân hàng T
Trụ sở : Lầu 8, 266-268 đường A, Phường B, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện hợp pháp: Ông Lã Ngọc M ; Địa chỉ: 11/5/15 KP 2A, Phường Đ, Quận F, Tp. Hồ Chí Minh – Là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

Bị đơn : Ông Lê Văn T1, sinh năm 1979;
Địa chỉ : 60 đường M, Phường N, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Ông T1 vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/12/2018 và trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 07/10/2018, Ngân hàng T (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) đã ký kết với ông Lê Văn T1 đơn Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng) hạn mức tín dụng được cấp là 30.000.000 đồng, mục đích là tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ thì ông T1 đã tiến hành giao dịch bằng thẻ tín dụng và phát sinh dư nợ. Qua nhiều lần làm việc và nhắc nhở nhưng ông T1 vẫn không thanh toán dư nợ phát sinh.

Do ông Lê Văn T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng nên ngày 01/5/2016 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu của ông T1 sang nợ quá hạn theo Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn T1 thanh toán số tiền tính đến ngày 17/12/2018: nợ gốc là 13.997.937 đồng, tiền lãi 14.205.312 đồng, tổng cộng số tiền ông T1 phải thanh toán đến ngày 17/12/2018 là 28.203.249 đồng.

Bị đơn, ông Lê Văn T1 mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập để cung cấp lời khai, thông báo và giấy triệu tập tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng đều vắng mặt không có lý do và cũng không có bất cứ ý kiến gì về vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lã Ngọc M trình bày: Ngân hàng yêu cầu ông T1 thanh toán số tiền nợ gốc, lãi và phí tính đến ngày 16/7/2019 là 31.634.193 đồng ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 17/7/2019 cho đến khi ông T1 thanh toán xong nợ, theo mức lãi suất quy định trong Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng đã ký ngày 07/10/2008.

Bị đơn, ông Lê Văn T1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử là đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Về nội dung: Xét thấy các chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã đầy đủ, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày và tranh luận của các bên đương sự tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

Nguyên đơn - Ngân hàng T khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn – ông Lê Văn T1. Theo kết quả xác minh của Công an Phường N, quận Tân Bình thì ông T1 không có thường trú hay tạm trú tại 60 đường M, Phường N, quận Tân Bình. Theo kết quả xác minh tại công an xã H, huyện G, tỉnh Bình Định thì không có ông Lê Văn T1 cư trú tại địa chỉ xã H, huyện G, tỉnh Bình Định. Theo Hợp đồng sử dụng thẻ và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng đã ký ngày 07/10/2008 ông T1 cung cấp địa chỉ hiện tại đang sinh sống là 60 60 đường M, Phường N, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, địa chỉ 60 60 đường M, Phường N, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh là địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của ông T1. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và hướng dẫn tại Điều 5 của Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình.

Xét Giấy ủy quyền số 2145/2018/UQ-TTT ngày 17/12/2018 của Ngân hàng là ủy quyền hợp lệ nên ông Lã Ngọc M có đủ tư cách đại diện nguyên đơn tham gia tố tụng tại Tòa án.

Bị đơn – ông Lê Văn T1 mặc dù đã được Tòa án triệp tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về pháp luật nội dung:

Căn cứ vào Hợp đồng sử dụng thẻ và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng đã ký ngày 07/10/2008, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì có đủ cơ sở xác định ông Lê Văn T1 có sử dụng thẻ tín dụng để thực hiện các giao dịch và có phát sinh dư nợ nhưng không thanh toán. Tính đến ngày 16/7/2019, số tiền ông T1 còn nợ Ngân hàng là 31.634.193 đồng (gồm nợ gốc là 13.997.937 đồng, lãi quá hạn là 17.636.256 đồng).

Việc Ngân hàng yêu cầu ông Lê Văn T1 phải có trách nhiệm thanh toán số tiền 31.634.193 đồng (gồm nợ gốc là 13.997.937 đồng, lãi quá hạn là 17.636.256 đồng) và tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 17/7/2019 cho đến khi ông T1 thanh toán xong nợ, theo mức lãi suất quy định trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng đã ký ngày 07/10/2008 là có căn cứ chấp nhận theo qui định tại Khoản 2 Điều 91 và Khoản 2 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, ông Lê Văn T1 có trách nhiệm trả số tiền 31.634.193 đồng cho Ngân hàng T nên phải chịu án phí theo qui định của pháp luật là 1.581.709 đồng.

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng T đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, Ngân hàng T:

Buộc ông Lê Văn T1 phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng T số tiền còn nợ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng đã ký ngày 07/10/2008 là 31.634.193 (ba mươi mốt triệu sáu trăm ba mươi bốn nghìn một trăm chín mươi ba) đồng gồm nợ gốc là 13.997.937 (mười ba triệu chín trăm chín mươi bảy nghìn chín trăm ba mươi bảy) đồng, lãi quá hạn là 17.636.256 (mười bảy triệu sáu trăm ba mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi sáu) đồng.

Ông Lê Văn T1 còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 17/7/2019 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất được thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng đã ký ngày 07/10/2008 của Ngân hàng T.

Phương thức và thời hạn thanh toán: Trả một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, tại Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

2/ Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 1.581.709 (Một triệu năm trăm tám mươi mốt nghìn bảy trăm lẻ chín) đồng do ông Lê Văn T1 phải chịu.

Hoàn lại cho Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 705.081 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0037724 ngày 28/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm

yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- VKSND Q.Tân Bình;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Lan Ngọc

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN CHỦ TỌA**

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- VKSND Q.Tân Bình;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Mỹ Kiều